TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2018/DS-PT
Ngày: 30 - 8 - 2018
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tải sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh
Các thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình
Bà Lê Hồng Hạnh
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Nam
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Trịnh Duy Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/DSPT ngày 18/4/2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phan Tuấn L** - Sinh năm: 1979
Trú tại: Đường A, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Ngọc T** – Sinh năm: 1985.
Trú tại: Tổ A, khu phố P, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ngọc T: Bà **Trần Thị N** – Sinh năm: 1983
Trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai, nguyên đơn ông Phan Tuấn L trình bày:

Do là chỗ quen biết nên ngày 05/4/2017 bà Lê Thị Ngọc T có đặt vấn đề mượn của ông L số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng),* vì vậy mà vào ngày 07/4/2017 ông L đã cho bà T mượn số tiền 2.000.000.000 đồng.

Việc vay mượn tiền giữa ông L với bà T có làm hợp đồng mượn tiền và có công chứng của Phòng công chứng số 1 tỉnh Lâm Đồng. Theo hợp đồng mượn tiền, ông L và bà T đã thỏa thuận thời hạn mượn tiền là 01 *(Một)* tháng, không lãi suất.

Khi vay tiền, bà T cam kết là trong thời hạn 01 tháng, bà T sẽ bán khu đất của bà T tại địa chỉ đường Đống Đa, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, đất có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số sổ: CD 178445, số vào sổ cấp GCN: CS 00193 để trả tiền cho ông L.

Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà T không chịu trả tiền cho ông L mặc dù ông L đã đòi rất nhiều lần. Qua tìm hiểu thì ông L phát hiện vào ngày 19/5/2017 bà T đã bán khu đất của bà T tại địa chỉ đường Đống Đa, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, đất có Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số sổ: CD 178445, số vào sổ cấp GCN: CS 00193 cho ông Nguyễn Trọng Nghĩa nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông L.

Ngày 23/5/2017 và ngày 01/6/2017 ông L đã làm đơn yêu cầu Tòa án Nhân dân thị xã Đồng Xoài giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho ông L số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* và tiền lãi đối với khoản nợ 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tính từ ngày 07/5/2017 đến ngày bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và trong qúa trình giải quyết vụ án, ngày 05/6/2017 ông Nguyễn Tiến Dũng đã trả thay cho bà Lê Thị Ngọc T 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)* nên ngày 20/7/2017 và ngày 10/01/2018 ông L đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông L chỉ yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài giải quyết buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho ông L số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng),* ông L không yêu cầu tính lãi.

Ông L chỉ yêu cầu một mình bà Lê Thị Ngọc T trả nợ. Ngoài ra, ông L không còn yêu cầu nào khác.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Thị Ngọc T: Bà Trần Thị N trình bày:*

Căn cứ vào đơn khởi kiện và đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tấn Linh, tôi *(Trần Thị N)* là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Ngọc T, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L vì những lý do sau:

Thứ nhất: Bà T đã trả đủ số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* cho ông L nên bà T không có trách nhiệm và nghĩa vụ trả số tiền mà ông L đã kiện.

Thứ hai: Vào ngày 06/7/2017 ông L đã tự tay viết đơn rút đơn khởi kiện. Nội dung về việc rút đơn khởi kiện của ông L có ghi rõ bà T đã tự nguyện trả lại số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* cho ông L. Bản thân bà T sau khi trả tiền cho ông L và ông L đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện và nội dung cũng đã nhận lại số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)* của bà T. Lẽ ra ông L phải nộp đơn rút yêu cầu

khởi kiện, tuy nhiên vì ông L ở xa (Đà Lạt) nên ông L viết giấy và nhờ ông Sơn (chồng bà T) nộp đơn dùm ông L.

Từ những lý do trên, tôi đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông L.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Tuấn L.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho ông Phan Tuấn L số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định

Ngày 06/02/2018 bị đơn bà Lê Thị Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đồng Xoài với nội dung: Bà T đã trả hết số tiền mà bà đã vay của ông L, việc trả nợ được thể hiện trong đơn rút yêu cầu khởi kiện của ông L ngày 06/7/2017. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự thì chỉ có cơ sở để xác định phía bị đơn bà T chưa trả 1.000.000.000 đồng còn lại cho nguyên đơn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc T cho rằng đã trả đủ số tiền nợ 2.000.000.000 đồng cho nguyên đơn nên nguyên đơn đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện ngày 06-7-2017 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vẫn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng là không có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày 05-4-2017 hai bên ký kết hợp đồng mượn tiền với nội dung nguyên đơn cho bị đơn mượn 2.000.000.000 đồng với thời hạn 01 tháng, không tính lãi suất, hợp đồng được công chứng ngày 10-4-2017. Đến thời hạn trả nợ, do bị đơn không trả nên nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án ngày 01-6-2017, trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết thì ngày 05-6-2017 bị đơn đã trả được cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng.

[2] Theo phía bị đơn trình bày số tiền 1.000.000.000 đồng còn lại thì bị đơn đã đưa cho chồng là Lê Văn S trả cho nguyên đơn vào ngày 06-7-2017 tại thành phố Hồ Chí Minh nên nguyên đơn đã làm đơn rút yêu cầu khởi kiện vì đã nhận đủ 2.000.000.000 đồng. Xét lời trình bày này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn không thừa nhận đã nhận 1.000.000.000 đồng còn lại, đồng thời trong đơn xin rút đơn khởi kiện cũng không thể hiện nội dung nguyên đơn đã nhận 1.000.000.000 đồng mà chỉ thể hiện lý do nguyên đơn viết đơn rút đơn khởi kiện là ***"Nay do chúng tôi đã tự thỏa thuận bà Lê Thị Ngọc T đã tự nguyện trả lại số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) lại cho tôi".*** Đây chỉ là sự thỏa thuận bị đơn tự nguyện trả lại 2.000.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[3] Ngoài ra, nguyên đơn xác định việc viết đơn xin rút đơn khởi kiện thực tế là do vào giữa tháng 5-2017 bị đơn và chồng là Lê Văn S thỏa thuận bán cho nguyên đơn lô đất của bị đơn tại đường Đống Đa, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và ngày 30-6-2017 hai bên viết giấy cam kết nguyên đơn đặt cọc cho bị đơn bằng chính số tiền nợ 1.000.000.000 đồng và tiền lãi là 160.000.000 đồng và phía bị đơn yêu cầu nguyên đơn phải rút đơn khởi kiện nên ngày 06-7-2017 nguyên đơn viết đơn rút đơn khởi kiện và đưa cho bị đơn và ông Lê Văn S đem nộp cho Tòa án và cho rằng đã trả hết tiền cho nguyên đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Lê Thị Ngọc T và chồng là ông Lê Văn S để tiến hành đối chất với nguyên đơn tại phiên tòa nhưng bị đơn và ông Sơn đều vắng mặt, do đó căn cứ Điều 91 BLTTDS, phía bị đơn đã tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Vì vậy, không có căn cứ để xác định bị đơn đã trả 1.000.000.000 đồng còn lại cho nguyên đơn nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngy 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Lê Thị Ngọc T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 02/2018/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã Đồng Xoài.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Tuấn L.

[1] Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải trả cho ông Phan Tuấn L số tiền 1.000.000.000 đồng *(Một tỷ đồng)*.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm : Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 42.000.000 đồng. Hoàn lại cho ông Phan Tuấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002006, quyển số 000041 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng, số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0000174 ngày 20/3/2018 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài được khấu trừ vào tiền án phí phải chịu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân thị xã Đồng Xoài;
- Chi cục THADS thị xã Đồng Xoài;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Minh Thịnh